

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 15/10/2021

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Sáu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Danh Lợi

Ông Lê Quang Vinh

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Bà Lữ Thị Phương Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 19/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2021, về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/9/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/QĐ-ST ngày 27/9/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hà Thị H – Sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Xóm L, xã C, huyện T, Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Xóm T, xã C, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 12/10/2021)

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn L - Sinh năm: 1977, vắng mặt.

Nơi ĐKKHKT: Xóm Lạc Long, xã Cẩm Phú, huyện Cẩm Thủy, Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Đài Loan

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Hà Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T số 04 ngày 16/02/2001. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên

cãi nhau, đến năm 2017 anh L đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan nhưng anh không cho chị biết địa chỉ cụ thể, cũng từ đó vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn xin ly hôn anh L. Chị biết anh L đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan nhưng chị không biết địa chỉ cụ thể nên chị làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa thu thập thông tin xuất nhập cảnh đối với anh Bùi Văn L. Tại công văn số 16721/QL-XNC-P5 ngày 26/7/2021 của Cục quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an hiện tại anh L đang ở Đài Loan hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Bùi Hà P sinh ngày 14/10/2001 và cháu Bùi Hà T sinh ngày 17/02/2010. Hiện cháu P đã trưởng thành, cháu T đang ở với chị, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn trình bày nguyện vọng ngày 28/8/2021 của cháu Bùi Hà T, thể hiện: Từ khi bố cháu đi Đài Loan đến nay cháu ở với mẹ, mẹ là người chăm sóc nuôi dưỡng cháu ăn học, nếu bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Tại các biên bản lấy lời khai, ông Bùi Văn S và bà Lê Thị M (bố mẹ của anh L) trình bày:

Ông bà tổ chức cưới vợ cho con trai là Bùi Văn L cùng chị Hà Thị H, sau khi cưới vợ chồng anh L, chị H ở chung với ông bà được 2 năm thì làm nhà ở riêng. Đến năm 2017 anh L đi làm ăn tại Đài Loan theo đường Xuất khẩu lao động. Từ ngày đi đến nay anh L có về được một lần cách đây khoảng 2 năm và từ đó đến nay không về nhưng vẫn thường xuyên liên lạc bằng điện thoại với ông bà. Ông bà chỉ biết anh L sinh sống, làm việc tại Đài Bắc - Đài Loan nhưng không biết địa chỉ cụ thể và anh L cũng không nói cho ông bà biết. Trong thời gian anh L ở bên nước ngoài, chị H ngoài thời gian đi làm thì thường xuyên vắng nhà có nhiều hôm đi cả buổi tối, ông bà không biết chị H đi đâu. Ông bà có thông báo cho anh L cả việc chị H có làm đơn xin ly hôn thì anh L cũng đồng ý. Nếu Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn anh L thì ông bà đề nghị giao con chung của anh L, chị H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng vì hiện nay anh L đang ở nước ngoài nên cũng không thể nuôi con được. Về các giấy tờ Tòa án giao như Thông báo thụ lý vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, ông bà đã nhận và đều đã thông báo cho anh L biết.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ các Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân gia đình quyết định theo hướng: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hà Thị H xử cho chị H được ly hôn anh L; giao con cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không yêu cầu anh cấp dưỡng nên không xem xét.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền của Tòa án:

Chị Hà Thị H hiện thường trú tại xóm T, xã C, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, làm đơn xin ly hôn anh Bùi Văn L hiện nay đang ở Đài Loan được xác nhận thông qua Cục quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an (tại văn bản số 16721 ngày 26 tháng 7 năm 2021). Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37, Điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Về việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn:

Chị H chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của anh L ở Việt Nam nhưng không cung cấp được địa chỉ của anh L tại nước ngoài. Mặc dù, anh L thường xuyên liên lạc về với bố mẹ đẻ là ông S, bà M, nhưng anh L không cho ông bà biết địa chỉ cụ thể. Sau khi thụ lý vụ án bản thân anh L cũng biết việc chị H có đơn xin ly hôn vì được ông S bà M thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án. Mặc dù anh L không được nhận trực tiếp nhưng thông qua ý kiến của ông S và bà M thì anh L đã biết và nhận các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng anh L vẫn cố tình không cho biết địa chỉ cụ thể và cũng không về tham gia giải quyết vụ án. Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

Về hôn nhân: Chị H và anh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện; có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp.

Trong lời khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Đến năm 2017 anh L đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan cũng từ đó vợ chồng không quan tâm đến nhau, không ai liên lạc với ai. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị H được ly hôn anh L.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Bùi Hà P sinh ngày 14/10/2001 và cháu Bùi Hà T sinh ngày 17/02/2010, hiện tại cháu P đã đến tuổi trưởng thành việc ở với ai là do tự cháu quyết định. Riêng đối với cháu T từ khi vợ chồng sống ly thân chị H là người trực tiếp nuôi cháu, bản thân cháu đã trên 7 tuổi và nguyện vọng của cháu được tiếp tục ở với mẹ. Mặt khác hiện tại anh L đang sinh sống ở nước ngoài, do đó giao con cho chị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị H tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con, xét thấy đây là sự tự nguyện của chị nên chấp nhận.

Về tài sản, công nợ chung: Chị H không yêu cầu nên không xem xét. Sau này nếu anh L có yêu cầu thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[3]. Về án phí: Chị H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị đã nộp.

[4]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; Điều 38; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hà Thị H.

- Về hôn nhân: Chị Hà Thị H được ly hôn anh anh Bùi Văn L.

- Về con chung: Giao cháu Bùi Hà T sinh ngày 17/02/2010 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Anh L có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, chị cũng như các thành viên trong gia đình chị H không ai được cản trở.

- Về tài sản: Không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Chị Hà Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị đã nộp theo Biên lai thu số 0014150 ngày 12/8/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

3. Quyền kháng cáo: Chị H, anh L có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa (P9);
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã C, huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; Lưu Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thị Sáu